Nâng cao kỹ năng dẫn chương trình song ngữ tại Đài Truyền hình Việt Nam

Phạm Minh Duy*

Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 36 Xuân Thủy, phường Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài 10/6/2026; ngày chuyển phản biện 12/6/2026; ngày nhận phản biện 23/7/2026; ngày chấp nhận đăng 28/7/2026

Tóm tắt:

Bài báo làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về kỹ năng dẫn chương trình song ngữ tại Đài Truyền hình Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp, phân tích nội dung, phân tích diễn ngôn, quan sát và phỏng vấn sâu đối với 13 chương trình, sự kiện có yếu tố quốc tế. Trên cơ sở bảy nhóm kỹ năng về nội dung, giọng nói và hình thể, phỏng vấn, tương tác, xử lý tình huống, làm chủ không gian - thời gian và sử dụng ngôn ngữ, bài báo đánh giá những biểu hiện nổi bật và hạn chế trong kỹ năng dẫn chương trình song ngữ. Kết quả cho thấy người dẫn nhìn chung có khả năng làm chủ nội dung, sử dụng hai ngôn ngữ, phối hợp với khách mời và bạn dẫn, đáp ứng yêu cầu của hoạt động truyền hình đối ngoại. Tuy nhiên, kỹ năng giữa các người dẫn chưa đồng đều; một số trường hợp còn phụ thuộc vào kịch bản, sử dụng từ đệm, dịch đuổi chữ và hạn chế về khả năng ứng biến, tương tác. Bài báo đề xuất chuẩn hóa tuyển chọn, đánh giá năng lực; đổi mới phong cách dẫn; tăng cường đào tạo, thực hành và ứng dụng trí tuệ nhân tạo có kiểm soát, góp phần nâng cao chất lượng dẫn chương trình truyền hình song ngữ tại Đài Truyền hình Việt Nam.

Từ khóa: **dẫn chương trình song ngữ, Đài Truyền hình Việt Nam, kỹ năng dẫn chương trình, người dẫn chương trình, truyền hình đối ngoại.**

Chỉ số phân loại: **5.8, 5.10**

Enhancing bilingual television presenting skills at Vietnam Television

Minh Duy Pham*

Academy of Journalism and Communication, Ho Chi Minh National Academy of Politics, 36 Xuan Thuy Street, Cau Giay Ward, Hanoi, Vietnam

Received 10 June 2026; revised 23 July 2026; accepted 28 July 2026

Abstract:

This article clarifies the theoretical and practical foundations of bilingual presenting skills at Vietnam Television (VTV). The study employs case study research, content analysis, discourse analysis, observation, and in-depth interviews to examine 13 programs and events with international elements. Based on seven groups of skills, including content comprehension, voice and body language, interviewing, interaction, situational handling, spatial and time management, and language use, the article evaluates prominent manifestations and limitations in bilingual presenting skills. The findings show that presenters generally demonstrate the ability to master content, use two languages, coordinate with guests and co-presenters, and meet the requirements of international-oriented television broadcasting. However, presenting skills vary among presenters; in some cases, presenters remain dependent on scripts, use filler words, rely on word-for-word translation, and show limitations in improvisation and interaction. The article proposes solutions including standardized recruitment and competency assessment, innovation in presenting styles, strengthened training and practical experience, and the controlled application of artificial intelligence, thereby contributing to improving the quality of bilingual television presenting at Vietnam Television.

Keywords: **bilingual television presenting, presenting skills, television presenter, international broadcasting, Vietnam Television.**

Classification numbers: **5.8, 5.10**

Email: mc.minhduy26011@gmail.com

1. Đặt vấn đề

Với vai trò là cơ quan truyền hình quốc gia, Đài Truyền hình Việt Nam đã chú trọng phát triển các kênh, chương trình và sự kiện có yếu tố quốc tế, sử dụng nhiều ngôn ngữ để phục vụ công chúng trong và ngoài nước. Các chương trình trên VTV4, Vietnam Today và một số kênh chuyên biệt đã góp phần giới thiệu chủ trương, chính sách, thành tựu phát triển cùng những giá trị đặc sắc về lịch sử, văn hóa, thiên nhiên và con người Việt Nam đến bạn bè quốc tế.

Cùng với quá trình đó, nhu cầu tiếp nhận thông tin của công chúng cũng có nhiều thay đổi. Sự phát triển mạnh mẽ của truyền thông số, mạng xã hội và các nền tảng trực tuyến đã làm gia tăng yêu cầu về tính trực quan, tương tác, tốc độ cập nhật và sự tự nhiên trong cách thể hiện. Đặc biệt, cộng đồng người nước ngoài sinh sống, làm việc tại Việt Nam, cùng lực lượng trí thức trẻ và công chúng có khả năng sử dụng ngoại ngữ, đã hình thành một nhóm khán giả đa văn hóa, đa ngôn ngữ với yêu cầu ngày càng cao về chất lượng nội dung và hình thức truyền tải. Vì vậy, các chương trình truyền hình đối ngoại không chỉ cần bảo đảm tính chính xác mà còn phải có cách diễn đạt chuyên nghiệp, hấp dẫn và phù hợp với từng nhóm công chúng.

Trong môi trường đó, người dẫn chương trình song ngữ giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Họ không chỉ giới thiệu, kết nối nội dung mà còn là cầu nối ngôn ngữ và văn hóa giữa chương trình với công chúng trong nước và quốc tế. Hiệu quả dẫn chương trình song ngữ phụ thuộc vào năng lực sử dụng, chuyển đổi ngôn ngữ, khả năng nắm bắt nội dung, biểu đạt bằng giọng nói và hình thể, phỏng vấn, tương tác, kiểm soát không gian, thời gian và xử lý tình huống. Đối với các chương trình trực tiếp hoặc sự kiện quốc tế, người dẫn còn phải bảo đảm sự thống nhất về ý nghĩa, sắc thái thông điệp trong hai ngôn ngữ và linh hoạt ứng biến trước những diễn biến ngoài kịch bản. Do đó, chất lượng kỹ năng của người dẫn tác động trực tiếp đến tính chuyên nghiệp của chương trình, hiệu quả truyền thông đối ngoại và hình ảnh quốc gia.

2. Một số vấn đề lý luận về kỹ năng dẫn chương trình truyền hình song ngữ

2.1. Khái niệm về kỹ năng dẫn chương trình truyền hình song ngữ

Kỹ năng dẫn chương trình truyền hình song ngữ là một khái niệm tổng hợp, được hình thành trên cơ sở kết hợp giữa năng lực nghề nghiệp của người dẫn chương trình truyền hình với khả năng sử dụng hai ngôn ngữ trong hoạt động giao tiếp báo chí - truyền thông. Để làm rõ nội hàm của khái niệm này, trước hết cần phân tích một số khái niệm có liên quan như: kỹ năng, chương trình truyền hình, người dẫn chương trình truyền hình, song ngữ và dẫn chương trình truyền hình song ngữ...

Kỹ năng: Theo Từ điển Tiếng Việt, kỹ năng là "khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết thành công một nhiệm vụ lý luận hay thực hành xác định" [1].

Chương trình truyền hình (television program) là đơn vị nội dung được phát sóng trên truyền hình trong một khung thời gian nhất định.

Tác giả T.B. Khanh (2003) [2] cho rằng, chương trình truyền hình là "*sản phẩm truyền hình, là kết quả hoạt động của truyền hình, trong đó bao hàm cả quá trình sáng tạo ra nó từ nhiều công đoạn khác nhau, tồn tại ở nhiều mức độ khác nhau, quá trình tạo dựng kế hoạch và sắp đặt tác phẩm, chuyên mục, mục được gọi là chương trình truyền hình*". Trong cuốn Báo chí truyền hình, tác giả D.X. Son (2011) [3] đưa ra khái niệm cụ thể hơn về chương trình truyền hình như sau: "*Chương trình truyền hình là sự liên kết, sắp xếp, bố trí hợp lý các tin bài, bảng biểu, tư liệu bằng hình ảnh và âm thanh được mở đầu bằng lời giới thiệu, nhạc hiệu, kết thúc bằng lời chào tạm biệt, đáp ứng yêu cầu tuyên truyền của cơ quan báo chí truyền hình nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho khán giả*".

Như vậy, có thể hiểu chương trình truyền hình là một sản phẩm truyền thông được xây dựng từ sự tổ chức, sắp xếp các yếu tố nội dung và hình thức như hình ảnh, âm thanh, lời dẫn, tư liệu theo một cấu trúc nhất định nhằm truyền tải thông tin đến công chúng và đạt được hiệu quả giao tiếp.

Chương trình truyền hình song ngữ: là một thể loại chương trình truyền hình sử dụng hai ngôn ngữ làm phương tiện biểu đạt chủ đạo, nhằm xóa bỏ rào cản ngôn ngữ, mở rộng đối tượng công chúng và tạo ra một không gian giao lưu văn hóa đa chiều trong dòng chảy hội nhập quốc tế của cơ quan báo chí.

Dẫn chương trình truyền hình song ngữ: là hoạt động nghề nghiệp trong đó người dẫn sử dụng đồng thời hoặc luân phiên hai ngôn ngữ để giới thiệu, kết nối, điều phối và truyền tải nội dung chương trình đến các nhóm công chúng có nền tảng ngôn ngữ khác nhau. Trong quá trình đó, người dẫn phải kết hợp khả năng sử dụng ngôn ngữ với giọng nói, biểu cảm, cử chỉ, phong thái và kỹ năng tương tác để bảo đảm thông tin được truyền đạt chính xác, dễ hiểu và phù hợp với đặc điểm văn hóa của từng nhóm khán giả.

Từ việc phân tích các khái niệm trên, có thể xác lập: Kỹ năng dẫn chương trình truyền hình song ngữ là khả năng người dẫn vận dụng một cách thành thạo, linh hoạt và hiệu quả kiến thức ngôn ngữ, nghiệp vụ báo chí truyền hình, hiểu biết văn hóa và kinh nghiệm giao tiếp để sử dụng đồng thời hoặc luân phiên hai ngôn ngữ trong quá trình giới thiệu, kết nối, điều phối và xử lý các tình huống của chương trình, qua đó truyền tải nội dung chính xác, hấp dẫn và phù hợp đến các nhóm công chúng có nền tảng ngôn ngữ, văn hóa khác nhau.

2.2. Các kỹ năng dẫn chương trình truyền hình song ngữ

Khung kỹ năng dẫn chương trình truyền hình song ngữ trong nghiên cứu này được xây dựng trên cơ sở kế thừa các công trình trong nước về nghiệp vụ dẫn chương trình phát thanh, truyền hình, đồng thời tích hợp những hướng tiếp cận quốc tế về phát sóng song ngữ, chuyển mã ngôn ngữ, phiên dịch truyền thông, trình diễn trên truyền hình, giao tiếp liên văn hóa và đánh giá năng lực. Các nghiên cứu trong nước của Dương Xuân Sơn, Đinh Thị Thu Hằng và một số tác giả khác đã xác định những yêu cầu cơ bản đối với người dẫn như nắm vững nội dung, sử dụng giọng nói và hình thể, phỏng vấn, tương tác, điều phối, kiểm soát thời lượng và xử lý tình huống [4]. Đây là cơ sở nghiệp vụ trực tiếp để nhận diện những thành tố của hoạt động dẫn chương trình truyền hình.

Ở bình diện quốc tế, nghiên cứu về phát sóng song ngữ và chuyển mã ngôn ngữ cho thấy, việc chuyển đổi giữa hai ngôn ngữ không đơn thuần là thay thế từ ngữ mà còn là một chiến lược diễn ngôn nhằm tổ chức, nhấn mạnh và làm rõ thông tin. Tuy nhiên, hiệu quả của chuyển mã phụ thuộc vào mục đích giao tiếp, đặc điểm công chúng và bối cảnh sử dụng; nếu không phù hợp, việc chuyển đổi có thể làm gián đoạn khả năng tiếp nhận của khán giả.

Các nghiên cứu về media interpreting (phiên dịch trong truyền thông) coi phiên dịch trên truyền thông là một dạng chuyển tải ngôn ngữ nghe nhìn đặc thù, diễn ra trong nhiều phương thức, tình huống và điều kiện phát sóng khác nhau. Chất lượng không chỉ được đánh giá ở độ chính xác của bản dịch mà còn ở khả năng bảo đảm tính tự nhiên, dễ hiểu, phù hợp với công chúng và duy trì tiến trình giao tiếp [5, 6]. Cách tiếp cận này là cơ sở để hình thành các nhóm kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, ứng biến, tương tác và kiểm soát thời lượng của người dẫn song ngữ.

Nghiên cứu về trình diễn truyền thông (media performance) và giao tiếp phi ngôn ngữ cho thấy hiệu quả thể hiện của người xuất hiện trên truyền hình được hình thành từ sự phối hợp giữa lời nói, giọng nói và các tín hiệu hình ảnh. Biểu cảm khuôn mặt của người dẫn có thể truyền tải thông tin cảm xúc và ảnh hưởng đến cách khán giả cảm nhận nội dung [7]. Bên cạnh đó, sự biểu cảm của khuôn mặt, tính dễ chịu của giọng nói, độ lưu loát và sự đa dạng về cao độ có liên quan đến đánh giá của công chúng về năng lực, độ tin cậy và sức thuyết phục của người nói [8]. Nghiên cứu trong bối cảnh bản tin cũng cho thấy, số lượng lỗi nói gia tăng có thể làm giảm đánh giá về năng lực của phát thanh viên, đặc biệt trong điều kiện công chúng chỉ tiếp nhận bằng âm thanh [9]. Đây là cơ sở để xác lập nhóm kỹ năng hình thể và giọng nói, đồng thời đưa ánh mắt, biểu cảm, tư thế, cử chỉ, ngữ điệu và độ lưu loát vào hệ thống chỉ báo quan sát.

Đối với kỹ năng phỏng vấn, S. Carpenter và cs (2018) [10] đã xác định 10 năng lực chủ yếu của người phỏng vấn báo chí, gồm: nghiên cứu, lắng nghe, quản lý tương tác, thấu cảm, diễn đạt, tự thể hiện, kiểm chứng, tư duy tin tức, quan sát và tư duy cởi mở. Theo cách tiếp cận này, phỏng vấn không chỉ là hoạt động chuẩn bị và đặt câu hỏi mà còn là quá trình tổ chức cuộc thoại, chú ý đến phản hồi bằng lời và phi ngôn ngữ, kiểm chứng thông tin, đặt câu hỏi tiếp nối và điều chỉnh hướng khai thác theo diễn biến giao tiếp.

Tiếp cận giao tiếp liên văn hóa đặt ra yêu cầu chủ thể phải giao tiếp và ứng xử một cách hiệu quả, phù hợp trong những tình huống có sự khác biệt về ngôn ngữ, nền tảng và chuẩn mực văn hóa. Theo D.K. Deardorff (2006) [11], năng lực liên văn hóa được hình thành từ sự kết hợp giữa thái độ, kiến thức, khả năng thấu hiểu và các kỹ năng như lắng nghe, quan sát, phân tích, diễn giải và thiết lập quan hệ với những chủ thể thuộc nền văn hóa khác. Cách tiếp cận này là cơ sở để xác lập các nhóm kỹ năng nắm bắt và thấu cảm nội dung, tương tác, sử dụng ngôn ngữ và xử lý tình huống của người dẫn chương trình truyền hình song ngữ.

Về đánh giá năng lực ngôn ngữ, *Khung tham chiếu chung châu Âu về ngôn ngữ - Bản bổ sung* (Common European Framework of Reference for Languages: Learning, Teaching, Assessment - Companion Volume - CEFR) của Hội đồng châu Âu xác định bốn phương thức hoạt động giao tiếp chủ yếu, gồm tiếp nhận, sản sinh, tương tác và trung gian ngôn ngữ. Khung này đồng thời mở rộng hệ thống thang mô tả đối với tương tác trực tuyến, năng lực đa ngữ, đa văn hóa và năng lực ngữ âm [12]. Mặc dù CEFR không được xây dựng riêng cho hoạt động truyền hình, cách tiếp cận dựa trên mô tả hành vi có thể được kế thừa để xây dựng các chỉ báo quan sát và mã hóa kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, tương tác và trung gian ngôn ngữ của người dẫn chương trình song ngữ.

Như vậy, các nghiên cứu trong và ngoài nước đã đề cập tương đối đầy đủ từng phương diện riêng lẻ của hoạt động dẫn, nhưng chưa hình thành một khung tích hợp dành riêng cho người dẫn chương trình truyền hình song ngữ trong bối cảnh Việt Nam. Trên cơ sở tổng hợp các hướng nghiên cứu trên và yêu cầu thực tiễn của hoạt động truyền hình, bài báo xác lập bảy nhóm kỹ năng gồm:

Một là, kỹ năng nắm bắt và thấu cảm nội dung chương trình. Kỹ năng này thể hiện ở khả năng nhận diện nội dung cốt lõi, mục tiêu truyền thông, bối cảnh và đặc điểm công chúng; đồng thời nắm bắt tâm lý, cảm xúc của khách mời để lựa chọn cách dẫn, đặt câu hỏi và biểu đạt phù hợp.

Hai là, kỹ năng hình thể và giọng nói. Người dẫn cần phát âm rõ ràng, điều chỉnh tốc độ, âm lượng, trọng âm và ngữ điệu phù hợp với từng nội dung; đồng thời làm chủ ánh mắt, biểu cảm, tư thế và cử chỉ để nâng cao tính tự nhiên, độ tin cậy và hiệu quả truyền đạt.

Ba là, kỹ năng phỏng vấn. Kỹ năng này bao gồm khả năng nghiên cứu chủ đề và khách mời, xây dựng câu hỏi có giá trị, lắng nghe chủ động, đặt câu hỏi tiếp nối và điều tiết cuộc trao đổi theo mục tiêu của chương trình.

Bốn là, kỹ năng tương tác. Người dẫn cần phối hợp nhịp nhàng với bạn dẫn, phản hồi phù hợp với khách mời và kết nối với khán giả. Trong chương trình song ngữ, sự tương tác còn phải bảo đảm cân bằng thông tin và tôn trọng khác biệt ngôn ngữ, văn hóa.

Năm là, kỹ năng xử lý tình huống. Đây là khả năng nhận diện và phản ứng phù hợp trước những diễn biến ngoài kịch bản như sự cố kỹ thuật, khách mời phản hồi bất thường hoặc thay đổi nội dung, qua đó duy trì mạch chương trình và hạn chế tác động tiêu cực.

Sáu là, kỹ năng làm chủ không gian và thời gian. Người dẫn cần xác định đúng vị trí máy quay, khách mời và khán giả; di chuyển có chủ đích; đồng thời kiểm soát thời lượng, điều chỉnh tốc độ dẫn và nhịp điệu cảm xúc của từng phân đoạn.

Bảy là, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ. Kỹ năng này thể hiện ở độ chính xác, tự nhiên và phù hợp trong sử dụng hai ngôn ngữ, bao gồm phát âm, ngữ pháp, từ vựng, thuật ngữ, ngữ dụng, chuyển mã và diễn đạt lại nội dung; hạn chế dịch đuổi chữ, từ đệm và cách chuyển ngữ máy móc.

Trên cơ sở bảy nhóm kỹ năng đã xác định, nghiên cứu cụ thể hóa từng nhóm thành các chỉ báo quan sát chính nhằm tạo căn cứ thống nhất cho việc nhận diện, mã hóa và đánh giá kỹ năng dẫn chương trình truyền hình song ngữ trong các trường hợp khảo sát (bảng 1).

Bảng 1. Chỉ báo đánh giá bảy nhóm kỹ năng.

Nhóm kỹ năng	Chỉ báo quan sát chính
Nắm bắt và thấu cảm nội dung	Làm rõ thông điệp; duy trì mạch nội dung; điều chỉnh cách dẫn theo khách mời và công chúng
Hình thể và giọng nói	Phát âm, tốc độ, ngữ điệu; ánh mắt; biểu cảm; tư thế và cử chỉ
Phỏng vấn	Chất lượng câu hỏi; lắng nghe; câu hỏi tiếp nối; điều tiết khách mời
Tương tác	Phối hợp bạn dẫn; phản hồi khách mời; kết nối khán giả; giao tiếp bằng mắt
Xử lý tình huống	Nhận diện sự cố; giữ bình tĩnh; ứng biến; đưa chương trình trở lại mạch chính
Không gian và thời gian	Vị trí đứng; di chuyển; kiểm soát thời lượng; điều chỉnh nhịp độ
Sử dụng ngôn ngữ	Độ chính xác; tính tự nhiên; chuyển mã; thuật ngữ; hạn chế từ đệm và dịch đuổi chữ

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Để làm rõ thực trạng kỹ năng dẫn chương trình truyền hình song ngữ tại Đài Truyền hình Việt Nam, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích trường hợp kết hợp với phân tích nội dung, phân tích diễn ngôn, quan sát và phỏng vấn sâu. Nghiên cứu lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu chủ đích, dựa trên các tiêu chí: chương trình có sử dụng tiếng Việt và tiếng Anh; có người dẫn trực tiếp thực hiện hoạt động giới thiệu, phỏng vấn, tương tác hoặc điều phối, bảo đảm sự đa dạng về thể loại, hình thức phát sóng, đối tượng công chúng, cấu trúc người dẫn và cách thức sử dụng hai ngôn ngữ.

Mẫu nghiên cứu gồm hai nhóm. Nhóm thứ nhất là tám chương trình phát sóng định kỳ, gồm: *Follow Us* trên VTV7 và các chương trình *Flavours and Beyond*, *Crosstalk Bizline*, *I-Report*, *Showtime*, *Speak Like a Local*, *Hello Vietnam*, *Việt Nam đến và yêu* trên Vietnam Today. Các chương trình này có nội dung đa dạng về giáo dục, du lịch, văn hóa, ẩm thực, kinh tế và giải trí; trong đó người dẫn sử dụng đồng thời hoặc luân phiên tiếng Việt và tiếng Anh để giới thiệu, phỏng vấn, tương tác và kết nối nội dung với công chúng trong nước và quốc tế. Nhóm thứ hai gồm năm chương trình, sự kiện đặc biệt: *Hội thảo Net Zero - Chuyển dịch xanh*, *Lễ trao Giải thưởng VinFuture 2025*, *Hội nghị cấp cao về Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm mạng*, *Lễ khai mạc và Lễ bế mạc SEA Games 31*. Đây là những sự kiện có quy mô lớn, có yếu tố quốc tế và đặt ra yêu cầu cao đối với khả năng sử dụng ngoại ngữ, điều phối nội dung, kiểm soát thời lượng và xử lý tình huống của người dẫn. Lễ khai mạc và Lễ bế mạc SEA Games 31 được xác định là hai đơn vị khảo sát độc lập, tổng mẫu nghiên cứu gồm 13 đơn vị phát sóng.

Đơn vị chọn mẫu là một tập chương trình hoặc một sự kiện phát sóng hoàn chỉnh. Đối với các chương trình định kỳ, nghiên cứu lựa chọn một tập cụ thể, xác định rõ tên tập, ngày phát sóng, thời lượng và nguồn truy cập. Đơn vị phân tích gồm: lượt dẫn liên tục của MC; tình huống tương tác giữa người dẫn với bạn dẫn, khách mời hoặc khán giả; tình huống chuyển đổi ngôn ngữ và các trường hợp điều phối, kiểm soát thời lượng hoặc ứng biến trước diễn biến ngoài kịch bản. Dữ liệu được thu thập từ bản ghi hình phát sóng và video đăng tải trên các kênh, nền tảng chính thức của VTV, VTV7 và Vietnam Today. Những đoạn dẫn tiêu biểu được phiên âm, đánh dấu thời gian và đối chiếu với hình ảnh, âm thanh và bối cảnh xuất hiện trong bản ghi. Phân tích nội dung được sử dụng để nhận diện các biểu hiện của kỹ năng dẫn trong từng đơn vị khảo sát. Phân tích diễn ngôn tập trung vào cách lựa chọn từ ngữ, sử dụng thuật ngữ, chuyển mã giữa tiếng Việt và tiếng Anh, tổ chức lượt lời, đặt câu hỏi, phản hồi, sử dụng từ đệm và chuyển tải nội dung giữa hai ngôn ngữ. Quan sát có cấu trúc được thực hiện theo ma trận bảy nhóm kỹ năng đã xây dựng, gồm: nắm bắt và thấu cảm nội dung; hình thể và giọng nói; phỏng vấn; tương tác; xử lý tình huống; làm chủ không gian và thời gian; sử dụng ngôn ngữ.

Việc lựa chọn các chương trình song ngữ Việt - Anh xuất phát từ vị trí phổ biến của tiếng Anh trong giao tiếp quốc tế và vai trò của ngôn ngữ này trong hoạt động truyền thông đối ngoại của Đài Truyền hình Việt Nam. Kết quả nghiên cứu phản ánh biểu hiện kỹ năng của những người dẫn trong phạm vi khảo sát, không được xem là đại diện về mặt thống kê cho toàn bộ đội ngũ người dẫn chương trình song ngữ tại VTV.

3. Thực trạng kỹ năng dẫn chương trình truyền hình song ngữ tại Đài Truyền hình Việt Nam

3.1. Kỹ năng dẫn chương trình truyền hình song ngữ tại Đài Truyền hình Việt Nam qua khảo sát một số chương trình

Trên cơ sở dữ liệu thu thập và mã hóa, nghiên cứu phân tích những biểu hiện nổi bật, kết quả đạt được và hạn chế của bảy nhóm kỹ năng như sau:

Một là, thực trạng kỹ năng nắm bắt và thấu cảm nội dung: Người dẫn cần nắm rõ thông điệp cốt lõi để bảo đảm tính thống nhất của chương trình. Trong số *"MTV - More than a Boy Band"* phát sóng ngày 12/5/2026 trên Vietnam Today, MC Mikey đã thể hiện tốt yêu cầu này khi không chỉ giới thiệu tiểu sử nhóm MTV mà còn khơi gợi không khí âm nhạc những năm 2000. Cách dẫn giúp thông tin được truyền tải tự nhiên, đồng thời tạo không gian để khán giả hồi tưởng những kỷ niệm gắn với nhóm nhạc. Xuyên suốt chương trình, MC duy trì được mạch cảm xúc, cân bằng giữa năng lượng cá nhân và sự thấu cảm với khách mời, qua đó góp phần tăng tính hấp dẫn và chiều sâu cho cuộc giao lưu.

Hai là, thực trạng kỹ năng hình thể và giọng nói: Kết quả khảo sát cho thấy, người dẫn chương trình tại Đài Truyền hình Việt Nam nhìn chung có khả năng sử dụng hình thể và giọng nói khá tốt, phù hợp với tính chất từng chương trình. Tại Lễ trao Giải thưởng VinFuture 2025, MC Đức Bảo và Thụy Vân duy trì tư thế cân bằng, ánh mắt tập trung, cử chỉ tay tiết chế và sử dụng đạo cụ hợp lý, qua đó tạo phong thái tự tin, trang trọng và chuyên nghiệp. Trong chương trình *I-Report*, người dẫn thể hiện ngôn ngữ cơ thể năng động, phù hợp với nội dung trải nghiệm dành cho giới trẻ; tuy nhiên, một số thời điểm ánh mắt chưa tập trung vào khách mời hoặc máy quay, làm giảm hiệu quả tương tác. Điều này cho thấy ngôn ngữ cơ thể cần được sử dụng đồng bộ, có chủ đích và phù hợp với bối cảnh chương trình.

Về giọng nói, các MC có khả năng điều chỉnh âm lượng, tốc độ, nhịp điệu và cảm xúc tương đối linh hoạt. Trong Lễ khai mạc, bế mạc SEA Games 31, giọng dẫn được thể hiện mạnh mẽ, hào sảng ở những phần giới thiệu đoàn thể thao, đồng thời chuyển sang truyền cảm, trang trọng ở các tiết mục nghệ thuật và thông điệp đối ngoại. Ở chương trình *Crosstalk Bizline*, người dẫn sử dụng tốc độ vừa phải, phát âm rõ, nhấn trọng âm vào các từ khóa

nhằm làm nổi bật nội dung kinh tế và duy trì sự tự nhiên khi trao đổi với khách mời. Với chương trình giàu cảm xúc như *Việt Nam đến và yêu*, MC Thanh Huyền lựa chọn giọng nói nhẹ nhàng, chậm rãi, kết hợp biểu cảm phù hợp để tăng chiều sâu cho câu chuyện. Trong khi đó, MC Cee Jay của *Speak Like a Local* thể hiện giọng nói sôi nổi cùng cử chỉ linh hoạt, phù hợp với tính chất giáo dục - giải trí. Nhìn chung, sự phối hợp giữa giọng nói và hình thể đã góp phần nâng cao sức hấp dẫn, tính chuyên nghiệp và hiệu quả truyền tải của các chương trình song ngữ tại VTV.

Ba là, kỹ năng phỏng vấn: Đây là kỹ năng quan trọng giúp người dẫn khai thác thông tin, làm rõ vấn đề và tạo sự kết nối giữa khách mời với khán giả. Để thực hiện hiệu quả, MC cần nghiên cứu kỹ chủ đề, nhân vật và xây dựng hệ thống câu hỏi có chiều sâu; đồng thời phải lắng nghe tích cực, nắm bắt tâm lý và linh hoạt điều chỉnh hướng trao đổi thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào kịch bản.

Trong số *"MTV - More than a Boy Band"* của chương trình *Showtime*, MC Mikey đã thể hiện khá tốt kỹ năng này khi điều phối thời lượng hợp lý giữa ba khách mời, duy trì thái độ lắng nghe và đặt câu hỏi tiếp nối dựa trên nội dung vừa được chia sẻ. Khi khách mời đề cập đến mâu thuẫn nội bộ và áp lực trước sự thay đổi của xu hướng âm nhạc, MC đã kịp thời khai thác sâu bằng câu hỏi về cách nhóm vượt qua "cái bóng của chính mình". Cách dẫn dắt này giúp cuộc phỏng vấn diễn ra tự nhiên, logic và mang tính đối thoại, qua đó khai thác được nhiều thông tin và cảm xúc có giá trị từ nhân vật.

Bốn là, kỹ năng tương tác: Kỹ năng này giúp người dẫn tạo sự kết nối với bạn dẫn, khách mời và khán giả, qua đó tăng tính sinh động và hiệu quả tiếp nhận của chương trình. Trong số *"Are You Skilled Enough?"* của *Follow Us*, Khánh Vy và Dustin thể hiện sự phối hợp tự nhiên, hài hước khi cùng trải nghiệm làm gốm tại Bát Tràng. Hai MC không chỉ hỗ trợ nhau về ngôn ngữ mà còn linh hoạt giải thích các từ, cụm từ tiếng Anh, giúp chương trình vừa có tính giải trí vừa đáp ứng mục tiêu học ngoại ngữ. Sự giao tiếp bằng ánh mắt, lắng nghe và phản hồi liên tục cũng góp phần tạo nên phong thái dẫn gần gũi, chuyên nghiệp.

Kết quả khảo sát tại Hội thảo *Net Zero - Chuyển dịch xanh* cho thấy mức độ phối hợp giữa các cặp MC chưa đồng đều. Một số thời điểm, lời dẫn của biên tập viên (BTV) Hoàng Nam và BTV Diệu Linh còn chồng lấn, làm gián đoạn mạch chương trình. Ngược lại, BTV Hữu Trí và BTV Thu Hương phối hợp khá nhịp nhàng, thường xuyên bổ sung và nối tiếp ý của nhau, qua đó hạn chế khoảng trống trên sóng. BTV Diệp Anh và BTV Tài Phan cũng tương tác hiệu quả với khán giả khi tiếp nhận câu hỏi, phản hồi phù hợp và kết nối ý kiến của người tham dự với nội dung tọa đàm tiếp theo. Những biểu hiện này cho thấy kỹ năng tương tác không chỉ phụ thuộc vào khả năng giao tiếp cá nhân mà còn đòi hỏi sự phối hợp, lắng nghe và xử lý linh hoạt nhằm bảo đảm chương trình diễn ra liền mạch.

Năm là, kỹ năng xử lý tình huống: Kỹ năng này thể hiện ở khả năng người dẫn nhận diện, đánh giá và phản ứng phù hợp trước những diễn biến ngoài kịch bản nhằm duy trì tính liên tục của chương trình. Trong số *"Tìm hiểu cuộc sống trên thuyền tại sông Cần Thơ"* của *Follow Us*, khi Dustin gặp khó khăn trong giao tiếp với người bán hàng trên ghe, Khánh Vy đã nhanh chóng trao đổi bằng tiếng Việt và chuyển ngữ ngắn gọn cho bạn dẫn. Cách xử lý này giúp hạn chế khoảng trống, duy trì mạch trải nghiệm và bảo đảm sự kết nối giữa các nhân vật.

Thực tiễn tác nghiệp cho thấy, các sự cố thường liên quan đến hiện trường, kỹ thuật, lời dẫn và khách mời. BTV Dương Ngọc Hoàng cho rằng, người dẫn cần giữ bình tĩnh, chủ động tương tác phù hợp khi có người đi vào khung hình hoặc xuất hiện yếu tố ngoài dự kiến, sau đó nhanh chóng đưa chương trình trở lại đúng nội dung (kết quả phỏng vấn sâu đối với BTV Dương Ngọc Hoàng, Ban Truyền hình Đối ngoại, Đài Truyền hình Việt Nam). Trong bản tin tiếng Anh *Newsline*, BTV Đặng Hoàng Anh từng gặp các tình huống như rơi tai nghe, mất lời nhắc, đọc nhầm tên riêng hoặc khách mời phản hồi chậm. Người dẫn đã xử lý bằng cách tiếp tục lời dẫn, sử dụng kịch bản dự phòng, tóm tắt nội dung để chuyển sang phần tiếp theo hoặc đặt câu hỏi gợi mở nhằm khuyến khích khách mời trả lời (kết quả phỏng vấn sâu đối với BTV Đặng Hoàng Anh, Ban Truyền hình Đối ngoại, Đài Truyền hình Việt Nam). Những biểu hiện trên cho thấy, sự bình tĩnh, khả năng ứng biến và năng lực sử dụng ngôn ngữ linh hoạt là những yếu tố quan trọng giúp MC song ngữ làm chủ tình huống và duy trì chất lượng chương trình.

Sáu là, kỹ năng cảm nhận không gian thời gian: Kỹ năng này thể hiện ở khả năng người dẫn nhận thức, làm chủ và thích ứng với không gian tác nghiệp, đồng thời kiểm soát thời lượng và nhịp độ chương trình. Người dẫn cần nắm rõ vị trí máy quay, sân khấu, khách mời và khán giả để lựa chọn điểm đứng, hướng nhìn, cách di chuyển và tương tác phù hợp. Trong chương trình *I-Report* với số *"Ho Chi Minh City - Where Heritage Meets Modern Life"*, MC Đỗ Quang Minh linh hoạt vừa di chuyển, vừa dẫn và sử dụng máy quay cầm tay, qua đó tạo cảm giác gần gũi, giúp khán giả đồng hành trực tiếp với hành trình trải nghiệm.

Bên cạnh việc làm chủ không gian, người dẫn còn phải kiểm soát tốt thời lượng. Khi khách mời trả lời dài hoặc chương trình có nguy cơ chậm tiến độ, MC cần lựa chọn thời điểm phù hợp để tóm lược ý chính, điều hướng sang câu hỏi tiếp theo hoặc khéo léo kết thúc nội dung trao đổi. Cách xử lý này vừa bảo đảm tiến độ và tính liền mạch của chương trình, vừa thể hiện sự tôn trọng đối với khách mời. Kết quả khảo sát cho thấy khả năng cảm nhận không gian và thời gian là yếu tố quan trọng giúp người dẫn duy trì hình ảnh chuyên nghiệp, phối hợp hiệu quả với ê-kíp và làm chủ quá trình phát sóng.

Bảy là, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ: Kỹ năng này thể hiện ở khả năng người dẫn sử dụng linh hoạt, chính xác và phù hợp hai ngôn ngữ trong quá trình dẫn chương trình, từ phát âm, lựa chọn từ ngữ, diễn đạt đến chuyển đổi ngôn ngữ theo nội dung và đối tượng công chúng. Trong các đơn vị phát sóng thuộc mẫu khảo sát, phần lớn trường hợp quan sát cho thấy người dẫn phát âm rõ, sử dụng trọng âm và ngữ điệu tương đối phù hợp. Tuy nhiên, kết quả này chỉ phản ánh các chương trình được lựa chọn, chưa đại diện về mặt thống kê cho toàn bộ đội ngũ người dẫn song ngữ tại VTV. Tại Lễ bế mạc SEA Games 31, MC Đức Bảo sử dụng các cách xưng hô trang trọng như *"Your Excellency"*, *"Honourable Delegates"* và *"Distinguished Guests"*, góp phần bảo đảm nghi thức ngoại giao. Trong Lễ mở ký Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm mạng, các động từ như *"affirm"*, *"pledge"* và *"reiterate"*

được sử dụng để thể hiện rõ lập trường và cam kết của Việt Nam. Qua đó, ngôn ngữ của người dẫn không chỉ truyền tải nội dung mà còn góp phần thể hiện tính chuyên nghiệp và vị thế quốc gia trong các sự kiện quốc tế.

3.2. Đánh giá thực trạng dẫn chương trình song ngữ trên Đài Truyền hình Việt Nam

3.2.1. Kết quả đạt được

Qua khảo sát một số chương trình truyền hình song ngữ tại Đài Truyền hình Việt Nam, có thể nhận thấy, đội ngũ người dẫn chương trình đã từng bước đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ và truyền thông đối ngoại trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Một là, bảo đảm tính chính xác và thống nhất của thông tin, thông điệp. Người dẫn chương trình song ngữ nhìn chung có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về nội dung, sử dụng tương đối chính xác tên riêng, chức danh, thuật ngữ chuyên ngành và các thông điệp đối ngoại. Việc chuyển tải nội dung bằng hai ngôn ngữ cơ bản bảo đảm sự thống nhất về ý nghĩa và sắc thái biểu đạt, qua đó góp phần nâng cao độ tin cậy của chương trình và củng cố uy tín của truyền hình chính thống.

Hai là, truyền tải nhiều nội dung có giá trị xã hội và giáo dục. Các chương trình song ngữ không chỉ cung cấp thông tin, giải trí mà còn góp phần nâng cao nhận thức, truyền cảm hứng và lan tỏa những giá trị tích cực. Những chương trình như Follow Us hỗ trợ việc học ngoại ngữ gắn với trải nghiệm thực tế; Hello Vietnam, Flavours and Beyond giới thiệu văn hóa, ẩm thực, thiên nhiên và con người Việt Nam bằng hình thức gần gũi, hấp dẫn đối với công chúng quốc tế.

Ba là, góp phần quảng bá văn hóa và hình ảnh Việt Nam ra thế giới. Thông qua khả năng sử dụng hai ngôn ngữ và giao tiếp liên văn hóa, người dẫn chương trình trở thành cầu nối giữa Việt Nam với công chúng quốc tế. Phong cách dẫn tự tin, thân thiện và cách diễn đạt phù hợp đã góp phần giới thiệu một Việt Nam giàu bản sắc, năng động, cởi mở và tích cực hội nhập.

Bốn là, từng bước đáp ứng yêu cầu chuyên nghiệp của hoạt động truyền hình hiện đại. Phần lớn người dẫn thể hiện khả năng làm chủ nội dung, sử dụng giọng nói và hình thể phù hợp, phối hợp tương đối linh hoạt với khách mời, bạn dẫn và ê-kíp sản xuất. Khả năng chuyển đổi ngôn ngữ, kiểm soát thời lượng, bám sát kịch bản và xử lý tình huống cũng từng bước được nâng cao, góp phần duy trì sự liên tục, hấp dẫn và hiệu quả của chương trình.

3.2.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, kỹ năng dẫn chương trình truyền hình song ngữ tại Đài Truyền hình Việt Nam vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục.

Một là, khả năng thu hút và duy trì sự quan tâm của khán giả chưa thật sự nổi bật. Một số chương trình còn thiếu tính tương tác, cách thể hiện chưa theo kịp sự thay đổi trong nhu cầu tiếp nhận thông tin của công chúng trên các nền tảng số. Lời dẫn đôi khi còn khuôn mẫu, ít điểm nhấn và chưa thể hiện rõ dấu ấn cá nhân của người dẫn.

Hai là, trình độ chuyên môn của đội ngũ người dẫn chưa đồng đều. Sự chênh lệch thể hiện ở năng lực ngoại ngữ, khả năng chuyển đổi ngôn ngữ, xử lý giọng nói, tương tác, ứng biến và làm chủ không gian chương trình. Một số người dẫn còn thiếu tự nhiên hoặc chưa xử lý linh hoạt những tình huống phát sinh ngoài kịch bản.

Ba là, tình trạng lạm dụng từ đệm và khẩu ngữ vẫn xuất hiện. Trong quá trình chuyển mã ngôn ngữ trực tiếp, một số MC sử dụng nhiều từ lấp chỗ trống như "you know", "actually", "well", "vâng", "có thể nói là", "à", "ừm". Điều này làm giảm tính cô đọng, chuẩn mực và chuyên nghiệp của lời dẫn.

Bốn là, kỹ năng chuyển ngữ còn biểu hiện dịch đuổi chữ. Việc chuyển đổi máy móc từng từ hoặc từng cấu trúc khiến câu dịch dài dòng, thiếu tự nhiên và chưa phù hợp với tư duy ngôn ngữ đích. Hạn chế này không chỉ ảnh hưởng đến sự chính xác về sắc thái, tính mạch lạc của diễn ngôn mà còn làm tăng thời lượng lời dẫn, gây khó khăn cho việc kiểm soát tiến độ chương trình.

Năm là, một số người dẫn còn phụ thuộc vào kịch bản và thiết bị nhắc chữ. Việc bám sát văn bản soạn sẵn làm giảm khả năng sáng tạo, ứng biến và chủ động điều phối nội dung, nhất là trong các chương trình trực tiếp, dẫn hiện trường hoặc tọa đàm mở. Sự lệ thuộc này còn khiến ánh mắt, cử chỉ và phong thái của người dẫn thiếu tự nhiên, làm hạn chế khả năng kết nối với khách mời và khán giả.

Nguyên nhân của những hạn chế chủ yếu xuất phát từ việc môi trường cọ xát thực tế và tần suất thực hành dẫn song ngữ còn hạn chế, khiến người dẫn, đặc biệt là MC trẻ, chưa có nhiều cơ hội rèn luyện kỹ năng ứng biến, thông dịch trực tiếp và xử lý rủi ro trên sóng. Bên cạnh đó, dù nhiều người dẫn có nền tảng ngoại ngữ tốt, năng lực ngôn ngữ hàn lâm chưa đồng nghĩa với kỹ năng nói truyền hình, trong khi hoạt động đào tạo nội bộ về kỹ thuật giọng nói, điều tiết hơi thở, cấu âm và biểu cảm bằng hai ngôn ngữ chưa thật sự chuyên sâu. Ngoài ra, áp lực bảo đảm "an toàn sóng" trong môi trường truyền hình quốc gia, nơi tính chính xác và chuẩn mực ngôn từ được đặt lên hàng đầu, cũng khiến một số người dẫn có tâm lý sợ sai, lựa chọn cách thể hiện an toàn, phụ thuộc vào kịch bản và máy nhắc chữ, từ đó hạn chế tính sáng tạo, linh hoạt và dấu ấn cá nhân.

4. Giải pháp nâng cao chất lượng kỹ năng dẫn chương trình truyền hình song ngữ tại Đài Truyền hình Việt Nam

4.1. Chuẩn hóa quy trình tuyển dụng và đánh giá năng lực

Để xây dựng đội ngũ người dẫn chương trình song ngữ có chất lượng, việc chuẩn hoá quy trình tuyển chọn và đánh giá năng lực là giải pháp mang tính chiến lược đối với Đài Truyền hình Việt Nam. Trong bối cảnh hội nhập, quy trình này không chỉ dừng lại ở việc lựa chọn những ứng viên dựa trên lợi thế về ngoại ngữ, mà cần hướng tới một hệ thống đánh giá đa chiều, từ tư duy nghiệp vụ đến bản lĩnh trước ống kính truyền hình.

Tiêu chuẩn ngoại ngữ: Trước hết, cần xây dựng tiêu chuẩn ngoại ngữ đặc thù đối với người dẫn chương trình song ngữ. Chứng chỉ ngoại ngữ cần được sử dụng như một căn cứ tham khảo ban đầu thay vì tiêu chí duy nhất. Ứng viên nên có năng lực tiếng Anh từ bậc C1 hoặc tương đương, đặc biệt ở kỹ năng nói,

tương tác và trung gian ngôn ngữ. Ngưỡng điểm cụ thể cần được xác định trên cơ sở phân tích vị trí việc làm, tham vấn chuyên gia và thử nghiệm tuyển dụng. Quan trọng hơn, ứng viên phải trải qua bài kiểm tra nghề nghiệp gồm thử hình, chuyển mã trực tiếp, phỏng vấn giả định và xử lý tình huống. Khi năng lực ngôn ngữ đạt mức tự động hóa cao, người dẫn sẽ giảm sự phụ thuộc vào dịch nhẩm, tập trung tốt hơn vào nội dung, biểu cảm, tương tác và xử lý tình huống. Vì vậy, việc đặt ra ngưỡng ngoại ngữ cao là cần thiết nhằm bảo đảm MC song ngữ có thể vận hành ngôn ngữ linh hoạt, chuẩn xác và hiệu quả trong các bối cảnh truyền hình phức tạp.

Quy trình casting: Sau khi ứng viên đáp ứng tiêu chuẩn ngoại ngữ, quy trình tuyển chọn cần tập trung đánh giá tư duy báo chí và năng lực dẫn trước ống kính. Ở vòng kiểm tra tư duy báo chí, ứng viên được đánh giá về khả năng cập nhật kiến thức xã hội, nhận diện, tổng hợp, phân tích và xử lý thông tin. Đây là yêu cầu cần thiết bởi người dẫn chương trình hiện đại không chỉ đọc lời dẫn mà còn tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất, lựa chọn và kiểm soát nội dung. Đối với chương trình song ngữ, năng lực này giúp người dẫn chuyển tải chính xác không chỉ về ngôn ngữ mà còn về nội dung, bối cảnh và sắc thái, đồng thời chủ động điều chỉnh lời dẫn khi phát sinh tình huống ngoài kịch bản. Vòng thi cũng góp phần kiểm chứng trách nhiệm nghề nghiệp và khả năng hạn chế sai lệch thông tin, đặc biệt trong các chương trình đối ngoại.

Tiếp đó, ứng viên tham gia vòng thử hình để đánh giá năng lực thực hành trong môi trường gần với phát sóng thực tế. Ứng viên có thể dẫn một bản tin ngắn, chuyển đổi giữa hai ngôn ngữ, thực hiện phỏng vấn giả định hoặc xử lý các tình huống như thay đổi thông tin, mất tín hiệu và sự cố kỹ thuật. Qua đó, hội đồng đánh giá chất giọng, phát âm, ngữ điệu, phong thái, ánh mắt, ngôn ngữ cơ thể, phản xạ và khả năng chuyển mã ngôn ngữ. Việc kết hợp hai vòng thi giúp lựa chọn những ứng viên vừa có tư duy của nhà báo, vừa có năng lực trình diễn và làm chủ chương trình trong điều kiện áp lực cao.

4.2. Đổi mới phong cách dẫn và tăng cường tính sáng tạo trong lời dẫn

Sự thay đổi trong cách thức tiếp cận thông tin của công chúng đã tạo ra nhiều yêu cầu mới đối với hoạt động dẫn chương trình truyền hình. Nếu trước đây khán giả chủ yếu tiếp cận nội dung thông qua các chương trình phát sóng truyền thống với đặc điểm chú trọng tính chính xác và chuẩn mực, thì hiện nay công chúng có xu hướng ưu tiên những nội dung mang tính trực quan và có khả năng tạo sự kết nối cao hơn. Đặc biệt, sự phát triển mạnh mẽ của mạng xã hội và các nền tảng số đã làm thay đổi đáng kể thói quen theo dõi và tương tác của khán giả, nhất là đối với nhóm công chúng trẻ. Điều này đặt ra yêu cầu đối với người dẫn chương trình truyền hình song ngữ không chỉ dừng lại ở việc truyền tải thông tin mà còn đổi mới phương thức thực hiện và xây dựng phong cách phù hợp với xu hướng truyền thông hiện đại.

Giảm sự phụ thuộc vào kịch bản: Kịch bản là cơ sở bảo đảm cấu trúc và nội dung chương trình, nhưng việc phụ thuộc quá mức có thể khiến lời dẫn cứng nhắc, thiếu tự nhiên và hạn chế khả năng kết nối với khán giả. Vì vậy, người dẫn cần chuyển từ ghi nhớ nguyên văn sang nắm chắc nội dung cốt lõi, từ đó chủ động điều chỉnh cách diễn đạt phù hợp với bối cảnh và đối tượng công chúng. Việc làm chủ nội dung sẽ giúp MC tăng tính linh hoạt, xử lý tốt tình huống phát sinh và tạo phong cách dẫn gần gũi, sinh động hơn.

Tăng tính tự nhiên trong quá trình dẫn chương trình: Tính tự nhiên giúp người dẫn tạo cảm giác gần gũi, chân thực và tăng khả năng kết nối với khán giả. Để đạt được điều này, MC cần sử dụng ngôn ngữ giao tiếp, ngữ điệu, tốc độ nói và biểu cảm phù hợp với nội dung, đồng thời phản hồi linh hoạt khi tương tác với khách mời và công chúng thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào phần chuẩn bị sẵn. Tuy nhiên, sự tự nhiên phải được đặt trong khuôn khổ chuẩn mực, chính xác và chuyên nghiệp của báo chí truyền hình.

Xây dựng dấu ấn cá nhân trong phong cách dẫn: Trong điều kiện cạnh tranh mạnh mẽ giữa nhiều loại hình truyền thông, việc xây dựng dấu ấn cá nhân là một yếu tố giúp người dẫn tạo ra sự khác biệt và tăng khả năng ghi nhớ đối với công chúng. Dấu ấn cá nhân không chỉ được thể hiện qua ngoại hình mà còn thông qua giọng nói, phong cách giao tiếp, cách đặt vấn đề và phương thức truyền tải nội dung. Việc xây dựng phong cách riêng cần được thực hiện trên cơ sở phù hợp với đặc điểm của chương trình và định hướng của cơ quan truyền thông. Một người dẫn có phong cách riêng sẽ dễ tạo ra sự gắn kết với khán giả, góp phần nâng cao hình ảnh cá nhân cũng như hiệu quả truyền tải của chương trình.

Tiếp cận phương pháp kể chuyện và tương tác từ các nền tảng số: Các nền tảng số hiện nay đang thay đổi đáng kể cách công chúng tiếp nhận thông tin. Thay vì chỉ tiếp nhận thông tin theo lối truyền đạt truyền thống, khán giả ngày càng quan tâm đến các nội dung được xây dựng theo hướng kể chuyện, tạo cảm xúc và có tính tương tác cao. Người dẫn chương trình có thể học hỏi cách xây dựng nội dung từ các nền tảng số như cách mở đầu bằng một câu hỏi, tạo tình huống, dẫn dắt theo câu chuyện hoặc tạo điểm nhấn nhằm thu hút sự chú ý của người xem. Ngoài ra, việc tăng cường tương tác thông qua câu hỏi, bình luận hoặc kết nối với những vấn đề mà công chúng quan tâm cũng góp phần nâng cao mức độ tiếp cận và hiệu quả truyền tải thông tin.

Chọn lọc xu hướng thay vì chạy theo xu hướng: Sự phát triển nhanh chóng của mạng xã hội tạo ra nhiều xu hướng nội dung mới trong thời gian ngắn. Tuy nhiên, không phải xu hướng nào cũng phù hợp với môi trường truyền hình chính thống. Việc chạy theo các xu hướng một cách thiếu chọn lọc có thể làm giảm tính chuyên nghiệp và ảnh hưởng đến giá trị nội dung của chương trình.

Do đó, người dẫn cần có khả năng đánh giá và lựa chọn những xu hướng phù hợp với đặc điểm chương trình, đối tượng công chúng và định hướng truyền thông. Việc tiếp thu xu hướng nên hướng đến mục tiêu đổi mới cách thể hiện và nâng cao hiệu quả truyền tải thông tin, thay vì chỉ tập trung vào việc tạo sự chú ý ngắn hạn.

4.3. Nâng cao năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động dẫn chương trình

Trong bối cảnh chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo có thể hỗ trợ người dẫn chương trình song ngữ nâng cao hiệu quả chuẩn bị nội dung, xử lý ngôn ngữ và tiếp cận công chúng. Tuy nhiên, việc ứng dụng AI cần được thực hiện có giới hạn, theo quy trình kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm tính chính xác, an toàn thông tin và trách nhiệm nghề nghiệp.

Trước hết, cần xác định rõ phạm vi ứng dụng AI trong hoạt động dẫn chương trình. Người dẫn có thể sử dụng AI để hỗ trợ tìm kiếm thông tin ban đầu, gợi ý cấu trúc lời dẫn, tóm tắt tài liệu, xây dựng bảng thuật ngữ song ngữ, luyện phát âm, phiên âm, tạo phụ đề và tham khảo các cách diễn đạt phù hợp với từng nhóm công chúng. Đối với những chương trình chuyên ngành hoặc sự kiện quốc tế, AI còn có thể hỗ trợ hệ thống hóa tên riêng, chức danh, thuật ngữ ngoại giao, kinh tế, khoa học và công nghệ. Tuy nhiên, AI không nên được sử dụng để tự động quyết định nội dung phát sóng, thay thế hoàn toàn hoạt động biên tập hoặc tạo lời dẫn mà người dẫn không hiểu rõ nội dung và bối cảnh.

Thứ hai, cần xây dựng cơ chế kiểm chứng bắt buộc đối với mọi sản phẩm do AI gợi ý. Thông tin, số liệu, tên người, tên tổ chức, chức danh, thuật ngữ và bản dịch phải được đối chiếu với nguồn chính thức trước khi đưa vào kịch bản. Người dẫn và biên tập viên cần kiểm tra không chỉ độ chính xác về ngữ nghĩa mà còn cả sắc thái, hàm ý văn hóa, nghi thức ngoại giao và sự phù hợp với định hướng của chương trình. Đối với bản dịch song ngữ, cần tránh sử dụng nguyên văn kết quả do AI tạo ra nếu chưa được biên tập lại theo tư duy và thói quen diễn đạt của ngôn ngữ đích. Quy trình tác nghiệp nên duy trì nguyên tắc "con người kiểm soát", trong đó AI chỉ đề xuất, còn người làm báo chịu trách nhiệm thẩm định và quyết định [13].

Thứ ba, cần bảo đảm an toàn và bảo mật dữ liệu trong quá trình sử dụng AI. Người dẫn, biên tập viên không được đưa lên các công cụ AI công cộng những nội dung như kịch bản chưa phát sóng, tài liệu nội bộ, dữ liệu cá nhân của khách mời, thông tin chưa được phép công bố hoặc tài liệu có yêu cầu bảo mật. Đài Truyền hình Việt Nam cần ban hành danh mục dữ liệu được phép và không được phép đưa vào hệ thống AI; ưu tiên sử dụng các công cụ đã được kiểm định hoặc được triển khai trong môi trường nội bộ. Đồng thời, cần hướng dẫn người sử dụng nhận diện nguy cơ rò rỉ dữ liệu, thông tin giả, sai lệch thuật toán và các nội dung có thể vi phạm quyền riêng tư [14].

Thứ tư, phải xác định rõ trách nhiệm biên tập và trách nhiệm pháp lý. Người dẫn, biên tập viên và lãnh đạo duyệt chương trình vẫn là những chủ thể chịu trách nhiệm cuối cùng đối với nội dung phát sóng, kể cả khi sai sót bắt nguồn từ công cụ AI. Việc ứng dụng AI cần gắn với kiểm soát bản quyền, quyền sử dụng hình ảnh, giọng nói, dữ liệu và các sản phẩm do công nghệ tạo sinh hỗ trợ. Đối với nội dung quan trọng, cần lưu lại nguồn dữ liệu, quá trình chỉnh sửa và dấu vết sử dụng AI để phục vụ kiểm tra khi cần thiết [15].

Trên cơ sở đó, Đài Truyền hình Việt Nam cần tổ chức đào tạo định kỳ về kỹ năng sử dụng AI, kiểm chứng thông tin, bảo mật dữ liệu và đạo đức nghề nghiệp; đồng thời xây dựng quy trình ứng dụng AI thống nhất cho từng khâu sản xuất. Việc ứng dụng đúng phạm vi và có kiểm soát sẽ giúp người dẫn chương trình song ngữ tối ưu hóa quá trình chuẩn bị, nâng cao chất lượng ngôn ngữ và tăng tính linh hoạt trong tác nghiệp mà không làm suy giảm vai trò, bản lĩnh và trách nhiệm nghề nghiệp của con người.

5. Kết luận

Kỹ năng dẫn chương trình truyền hình song ngữ là sự kết hợp giữa năng lực sử dụng hai ngôn ngữ với tư duy báo chí, khả năng biểu đạt, tương tác, điều phối và xử lý tình huống trong môi trường truyền hình. Qua khảo sát một số chương trình và sự kiện tại Đài Truyền hình Việt Nam, có thể thấy đội ngũ người dẫn song ngữ đã từng bước đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ, phong thái, khả năng làm chủ nội dung và truyền tải các thông điệp đối ngoại, qua đó góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, văn hóa và con người Việt Nam đến công chúng quốc tế. Tuy nhiên, kỹ năng của đội ngũ người dẫn chưa thực sự đồng đều; một số trường hợp còn phụ thuộc vào kịch bản, thiếu linh hoạt trong chuyển ngữ, tương tác và ứng biến, đồng thời chưa tạo được dấu ấn rõ nét trong phong cách dẫn. Vì vậy, Đài Truyền hình Việt Nam cần chuẩn hóa tiêu chuẩn tuyển chọn và đánh giá năng lực, tăng cường đào tạo chuyên sâu, mở rộng môi trường thực hành, đổi mới phong cách và nâng cao khả năng ứng dụng công nghệ, trí tuệ nhân tạo. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp này sẽ góp phần xây dựng đội ngũ người dẫn chương trình song ngữ chuyên nghiệp, sáng tạo, thích ứng với truyền thông số và đáp ứng tốt hơn yêu cầu truyền thông đối ngoại trong giai đoạn mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] H. Phe (2003), *Vietnamese Dictionary*, Da Nang Publishing House, 1238pp (in Vietnamese).

[2] T.B. Khanh (2002), *Television Program Production,* Culture and Information Publishing House, 176pp (in Vietnamese).

[3] D.X. Son (2011), *Television Journalism*, National University Publishing House, 325pp (in Vietnamese).

[4] D.T.T. Hang (2015), *Broadcasting and Television Presenting*, Political Theory Publishing House, 217pp (in Vietnamese).

[5] J.J. Gumperz (1982), *Discourse Strategies*, Cambridge University Press, 221pp.

[6] F. Pöchhacker (2016), *Introducing Interpreting Studies (2nd Ed.)*, Routledge, London, 296pp.

[7] H.S. Friedman, M.R. DiMatteo, T.I. Mertz (1980), "Nonverbal communication on television news: The facial expressions of broadcasters during coverage of a presidential election campaign", *Personality and Social Psychology Bulletin*, **6(3)**, pp.427-435, DOI: 10.1177/014616728063016.

[8] J.K. Burgoon, T. Birk, M. Pfau (1990), "Nonverbal behaviors, persuasion, and credibility", *Human Communication Research*, **17(1)**, pp.140-169, DOI: 10.1111/j.1468-2958.1990.tb00229.x.

[9] E. Engstrom (1994), "Effects of nonfluencies on speaker's credibility in newscast settings", *Perceptual and Motor Skills*, **78(3)**, pp.739-743, DOI: 10.1177/003151259407800311.

[10] S. Carpenter, A. Cepak, Z. Peng (2018), "An exploration of the complexity of journalistic interviewing competencies", *Journalism Studies*, **19(15)**, pp.2283-2303, DOI: 10.1080/1461670X.2017.1338155.

[11] D.K. Deardorff (2006), "Identification and assessment of intercultural competence as a student outcome of internationalization", *Journal of Studies in International Education*, **10(3)**, pp.241-266, DOI: 10.1177/1028315306287002.

[12] Council of Europe (2020), *Common European Framework of Reference for Languages: Learning, Teaching, Assessment - Companion Volume*, Council of Europe Publishing, Strasbourg.

[13] European Broadcasting Union (2025), *News Report 2025: Leading Newsrooms in The Age of Generative AI*, https://www.ebu.ch/guides/open/report/news-report-2025-leading-newsrooms-in-the-age-of-generative-ai, accessed 8 June 2026.

[14] Organisation for Economic Co-operation and Development (2024), *Recommendation of The Council on Artificial Intelligence (OECD AI Principles)*, https://oecd.ai/en/ai-principles, accessed 8 June 2026.

[15] European Union (2024), *Regulation (EU) 2024/1689 of The European Parliament and of The Council of 13 June 2024 Laying Down Harmonised Rules on Artificial Intelligence (Artificial Intelligence Act)*, https://eur-lex.europa.eu/eli/reg/2024/1689/oj, accessed 8 June 2026.